

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6206 /CHP

Hải Phòng, ngày 8 tháng 10 năm 2016

"V/v giải trình biến động kết quả kinh
doanh trong BCTC bán niên năm
2016 đã được soát xét"

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Mã chứng khoán PHP) xin giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2016 đã được soát xét so với cùng kỳ năm 2015 như sau:

STT	Chỉ tiêu	6T năm 2016	6T năm 2015
1	Lợi nhuận sau thuế BCTC riêng	206.460.093.350	148.558.408.488
2	Lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất	297.587.558.671	290.656.243.594

1. Biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng:

Từ ngày 01/02/2016, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thực hiện giải thể Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu và Chi nhánh Cảng Bạch Đằng, thành lập Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu. Công ty chuyển Trung tâm y tế thành Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng, chuyển Trường trung cấp nghề Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng thành Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng. Vì vậy, các chỉ tiêu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Giá vốn hàng bán trong BCTC riêng bán niên năm 2016 không bao gồm kết quả SXKD của các công ty TNHH MTV nêu trên.

Doanh thu hoạt động tài chính 6 tháng năm 2016 có biến động lớn so với cùng kỳ năm trước do Công ty nhận được cổ tức từ các Công ty con, tổng số tiền là 103,62 tỷ đồng. Tuy nhiên do tỷ giá đồng Yên Nhật biến động mạnh, chi phí tài chính khi đánh giá tỷ giá cuối kỳ 30/06/2016 khoản vay nợ bằng đồng Yên Nhật là 73,88 tỷ.

Bên cạnh đó, Công ty đã tiết giảm các khoản chi phí SXKD và một số khoản chi phí cùng kỳ năm trước phát sinh nhưng chưa phát sinh trong 6 tháng đầu năm nay, do vậy lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2016 là 206.460.093.350 đồng, tăng 38,98% so với cùng kỳ năm trước.



2. Biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện đủ số liệu của các công ty con được tách ra trong kỳ, do vậy số liệu BCTC hợp nhất phản ánh đầy đủ khi so sánh với cùng kỳ năm trước. Doanh thu có tăng trưởng do sản lượng hàng hóa tăng, mặt khác giá vốn giảm (đã được giải trình tại khoản 1). Lợi nhuận sau thuế hợp nhất tăng 2,38% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng năm 2016 là 93.518.933.080 đồng, tăng 51,96% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do trong năm 2015 các Công ty TNHH MTV được nêu tại mục 1 hoạt động theo mô hình chi nhánh của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng nên chi phí phát sinh được hạch toán trong giá vốn hàng bán.

3. Biến động số liệu kết quả hoạt động kinh doanh trong Báo cáo tài chính hợp nhất trước và sau kiểm toán

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp trước khi chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ATC đã xác định giá trị các khoản đầu tư của Cảng Hải Phòng tại các công ty con tăng thêm, số tiền là 613.301.691.109 đồng. Công ty định giá ATC, Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) – đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014, năm 2015 và Kiểm toán Nhà nước đều đồng ý và không có ý kiến điều chỉnh đối với việc ghi nhận phần chênh lệch trên vào chỉ tiêu Lợi thế thương mại trên BCTC hợp nhất của Cảng Hải Phòng.

Công ty TNHH KPMG – đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2016 có ý kiến phải ghi nhận phần chênh lệch trên vào chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản thay vì chỉ tiêu Lợi thế thương mại trên Bảng cân đối kế toán.

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – cổ đông Nhà nước có phần vốn góp chi phối tại Cảng Hải Phòng đã có văn bản hỏi ý kiến Bộ Tài chính. Bộ Tài chính đã có văn bản hướng dẫn số 13573/BTC-CDKT ngày 27/9/2016.

Sau khi có buổi trao đổi với Vụ Chế độ kế toán – Bộ Tài chính, Cảng Hải Phòng đã điều chỉnh báo cáo, ghi giảm Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng năm 2016 của BCTC hợp nhất là 30.665.084.556 so với BCTC Công ty đã lập và công bố, đồng thời điều chỉnh hồi tố số liệu cùng kỳ năm trước để so sánh.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch HĐQT Cty (để b/cáo);
- Lưu VT, P.TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hùng Việt





Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 118/QĐ-HHVN Ngày 8 tháng 4 năm 2014

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh Nghiệp số 0204001192 Ngày 2 tháng 6 năm 2008

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh 6 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200236845 ngày 18 tháng 7 năm 2014.

Hội đồng Quản trị	Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hùng Việt	Thành viên
	Ông Cao Trung Ngoan	Thành viên
	Ông Trương Văn Thái	Thành viên
	Ông Bùi Chiến Thắng	Thành viên
	Ông Vũ Tuấn Dương	Thành viên
	Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Hải	Thành viên	

Ban Kiểm soát	Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban
	Bà Đào Thị Thu Hà	Thành viên
	Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Hùng Việt	Tổng Giám đốc
	Ông Cao Trung Ngoan	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trương Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 13 tháng 10 năm 2016

142-C
TY
HỮU H
IG
- T.P



KPMG Limited

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600
Fax: +84 4 3946 1601
www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 10 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410, “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ

Tài sản cố định của Công ty là cầu số 4, số 5, bãi container và một số thiết bị khác được hình thành từ trước thời điểm cổ phần hóa Công ty. Tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 là thời điểm Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần, Công ty đã ghi nhận các tài sản nói trên theo giá trị định giá lại khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT phê duyệt giá trị quyết toán của các tài sản này và yêu cầu Công ty nhận nợ khoản vay vốn ODA liên quan đến các tài sản này do nguồn vốn đầu tư dự án hình thành các tài sản nói trên trước đây bao gồm vốn vay ODA và vốn Nhà nước. Do giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần chưa được quyết toán, Công ty đã tạm thời ghi nhận một phần khoản vay vốn ODA bằng cách chuyển sang từ nguồn vốn Nhà nước. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn đang trong quá trình xin phê duyệt phương án trả nợ các khoản vay vốn ODA. Do không có đầy đủ thông tin, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các số liệu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ liên quan đến tài sản cố định hữu hình – nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, phải thu về cổ phần hóa, vay dài hạn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, giá vốn hàng bán và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Kết luận soát xét ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại phần Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính rằng các số liệu so sánh đã trình bày, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 36 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, là số liệu căn cứ trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 trong báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 3 năm 2016 và kết luận soát xét ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 trong báo cáo soát xét ngày 13 tháng 8 năm 2015 liên quan đến việc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam chưa phê duyệt quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại Công ty và số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty dựa trên số liệu quyết toán vốn Nhà nước do Công ty tự tính toán.

Trong quá trình soát xét báo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, chúng tôi đã soát xét các điều chỉnh như được trình bày tại Thuyết minh 36 được áp dụng để điều chỉnh các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015. Chúng tôi không được chỉ định để kiểm toán, soát xét hay thực hiện bất kỳ thủ tục nào đối với báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, ngoài các thủ tục soát xét được thực hiện đối với những điều chỉnh được trình bày ở Thuyết minh 36 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét hay bất kỳ sự đảm bảo nào về những báo cáo tài chính nêu trên. Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng các điều chỉnh đó là không phù hợp và không được áp dụng đúng. Kết luận soát xét ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-149a



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 13 -10- 2016

120
NG 1
HIỆM H
PM
EM -

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.103.363.766.243	1.175.925.020.331
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	173.348.942.866	18.416.818.638
Tiền	111		173.348.942.866	18.416.818.638
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		578.146.000.000	802.067.450.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	578.146.000.000	802.067.450.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		313.104.405.511	312.745.502.310
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	177.778.701.819	188.949.735.902
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.684.031.454	3.706.258.840
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	135.536.341.557	133.870.232.467
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(16.894.669.319)	(13.780.724.899)
Hàng tồn kho	140	11	21.436.954.463	29.626.711.666
Hàng tồn kho	141		21.436.954.463	29.626.711.666
Tài sản ngắn hạn khác	150		17.327.463.403	13.068.537.717
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.030.468.603	10.765.445.360
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(a)	5.296.994.800	2.303.092.357

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		3.667.220.195.888	3.765.267.076.972
Tài sản cố định	220		2.313.224.156.903	2.806.355.216.743
Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.312.465.435.903	2.805.539.435.743
<i>Nguyên giá</i>	222		4.127.563.339.842	5.403.863.939.616
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.815.097.903.939)	(2.598.324.503.873)
Tài sản cố định vô hình	227	13	758.721.000	815.781.000
<i>Nguyên giá</i>	228		27.973.244.400	27.973.244.400
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(27.214.523.400)	(27.157.463.400)
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.439.347.816	5.390.149.204
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	8.439.347.816	5.390.149.204
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	1.322.973.911.998	922.496.648.557
Đầu tư vào công ty con	251		1.250.139.741.716	833.501.691.109
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		71.547.237.464	77.551.047.448
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		17.748.910.000	17.748.910.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.461.977.182)	(6.305.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		22.582.779.171	31.025.062.468
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	22.582.779.171	31.025.062.468
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.770.583.962.131	4.941.192.097.303

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.169.741.289.434	1.339.297.513.596
Nợ ngắn hạn	310		388.803.535.444	604.544.067.614
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	29.077.364.380	41.325.268.755
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.504.968.165	6.466.365.831
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(b)	5.727.658.682	34.061.342.625
Phải trả người lao động	314		62.798.545.701	146.996.823.273
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	70.879.843.338	51.952.211.042
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	158.429.542.518	180.079.728.052
Vay ngắn hạn	320	20(a)	33.509.296.822	28.036.566.558
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	26.876.315.838	115.625.761.478
Nợ dài hạn	330		780.937.753.990	734.753.445.982
Vay dài hạn	338	20(b)	760.976.455.990	706.585.610.982
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	19.961.298.000	28.167.835.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.600.842.672.697	3.601.894.583.707
Vốn chủ sở hữu	410	23	3.600.842.672.697	3.601.894.583.707
Vốn cổ phần	411	24	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	60.841.124.513	10.899.547.066
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		270.401.548.184	321.395.036.641
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ/năm trước	421a		63.941.454.834	63.718.663.882
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		206.460.093.350	257.676.372.759
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.770.583.962.131	4.941.192.097.303

Ngày 13 tháng 10 năm 2016

Người lập:



Đào Ngọc Thành
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Việt
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	28	629.142.562.901	823.257.147.899
Giá vốn hàng bán	11		357.482.954.657	563.961.773.079
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		271.659.608.244	259.295.374.820
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	122.585.092.465	12.616.806.043
Chi phí tài chính	22	30	110.774.928.294	41.571.945.450
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>21.968.056.740</i>	<i>37.817.123.719</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	50.393.636.247	40.501.339.275
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		233.076.136.168	189.838.896.138
Thu nhập khác	31		519.211.141	1.082.340.330
Chi phí khác	32		887.650.489	222.575.409
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(368.439.348)	859.764.921
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		232.707.696.820	190.698.661.059
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	26.247.603.470	42.140.252.571
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		206.460.093.350	148.558.408.488

Ngày 13 tháng 10 năm 2016

Người lập:



Đào Ngọc Thành
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Việt
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
			Đã trình bày lại	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		232.707.696.820	190.698.661.059
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		123.673.871.859	154.425.880.846
Các khoản dự phòng	03		5.544.440.511	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		74.033.154.934	2.020.157.949
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(118.855.916.030)	(8.442.151.729)
Chi phí lãi vay	06		21.968.056.740	37.817.123.719
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		339.071.304.834	376.519.671.844
Biến động các khoản phải thu	09		(22.228.593.731)	(74.201.358.104)
Biến động hàng tồn kho	10		152.909.042	(7.594.774.992)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(75.885.576.329)	13.799.579.457
Biến động chi phí trả trước	12		3.108.635.367	6.524.648.209
			244.218.679.183	315.047.766.414
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.082.494.536)	(5.867.068.246)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(51.638.659.375)	(49.014.399.118)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(132.836.721.000)	(55.480.716.124)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		56.660.804.272	204.685.582.926

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
				Đã trình bày lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(48.977.827.858)	(42.169.513.781)
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(987.891.000.000)	(1.421.101.570.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		1.211.812.450.000	1.273.632.876.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(590.085.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		5.114.639.588	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		116.636.095.177	11.330.064.363
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		296.104.271.907	(178.308.143.418)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(14.359.446.602)	(22.628.714.712)
Tiền trả cổ tức	36		(183.480.000.000)	(4.344.650.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(197.839.446.602)	(26.973.364.712)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		154.925.629.577	(595.925.204)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		18.416.818.638	38.632.641.975
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.494.651	(74.040)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	173.348.942.866	38.036.642.731

Ngày 13 tháng 10 năm 2016

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa theo Quyết định số 118/QĐ-HHVN ngày 8 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt và chuyển Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Cảng Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khai thác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình dân dụng khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động bệnh viện, trạm xá;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; và
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không phục vụ quầy bar).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Công ty có trụ sở văn phòng chính tại Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 2 đơn vị trực thuộc (1/1/2016: 5 đơn vị trực thuộc) sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ	Số 5 Chùa Vẽ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Cảng Tân Vũ	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 5 công ty con (1/1/2016: 2 công ty con) và 5 công ty liên kết (1/1/2016: 6 công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh số 7(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 1.770 nhân viên (1/1/2016: 3.393 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập theo phương pháp trực tiếp. Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, số liệu so sánh của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

12
ĐỒNG
PHIÊN
PH
LIÊM

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 40 năm
▪ máy móc, thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 13 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 20 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định tính theo phương pháp dựa trên số liệu của bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

U.D.N:03
TRÁ
NAM

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, không có thay đổi trọng yếu nào trong phương pháp thực hiện các ước tính kế toán so với thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Ngày 1 tháng 2 năm 2016, Công ty đã giải thể 3 đơn vị trực thuộc là chi nhánh Cảng Hoàng Diệu, chi nhánh Cảng Bạch Đằng và Trung tâm Y tế cảng Hải Phòng và thành lập 3 công ty con là Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng.

Ngày 25 tháng 4 năm 2016, Công ty thoái vốn khỏi công ty liên kết là Trường Cao đẳng Nghề Hàng hải Việt Nam.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	614.914.064	120.742.500
Tiền gửi ngân hàng	172.734.028.802	18.296.076.138
	173.348.942.866	18.416.818.638

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	578.146.000.000	578.146.000.000	802.067.450.000	802.067.450.000

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2016				1/1/2016				
	Địa chỉ	% số hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% số hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty con									
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Hải Phòng	51%	816.000.000.000	-	1.540.200.000.000	51%	816.000.000.000	-	1.275.000.000.000
• Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	60%	17.501.691.109	-	(**)	60%	17.501.691.109	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu (*)	Hải Phòng	100%	401.865.480.033	-	(**)	100%	-	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng (*)	Hải Phòng	100%	14.345.723.933	-	(**)	100%	-	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng (*)	Hải Phòng	100%	426.846.641	-	(**)	100%	-	-	(**)
			<u>1.250.139.741.716</u>	<u>-</u>			<u>833.501.691.109</u>	<u>-</u>	



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2016				1/1/2016				
	Địa chỉ	% số hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% số hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết									
• Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	35,31%	31.440.000.000	(4.314.336.272)	(**)	35,33%	31.440.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	Hải Phòng	27,61%	25.289.203.035	-	(**)	27,61%	25.289.203.035	-	(**)
• Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô – Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	32,24%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	(**)	32,24%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	(**)
• Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc (***)	Hải Phòng	25%	5.518.034.429	(5.518.034.429)	(**)	25%	5.518.034.429	-	(**)
• Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Hải Phòng	20,12%	3.000.000.000	(324.606.481)	(**)	20,12%	3.000.000.000	-	(**)
• Trường Cao đẳng Nghề Hàng hải Việt Nam	Hải Phòng	-	-	-	(**)	27,4%	6.003.809.984	-	(**)
			71.547.237.464	(16.456.977.182)			77.551.047.448	(6.300.000.000)	

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2016			1/1/2016					
	Địa chỉ	% số hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% số hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác									
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	Hải Phòng	0,15%	15.307.119.745	-	(**)	0,15%	15.307.119.745	-	(**)
• Công ty Cổ phần Tin học và Công nghệ Hàng hải	Hải Phòng	3,06%	138.159.243	-	(**)	3,06%	138.159.243	-	(**)
• Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Hải Phòng	0,06%	122.500.000	(5.000.000)	(**)	0,06%	122.500.000	(5.000.000)	(**)
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistics	Hải Phòng	1,41%	2.181.131.012	-	(**)	1,41%	2.181.131.012	-	(**)
			<u>17.748.910.000</u>	<u>(5.000.000)</u>			<u>17.748.910.000</u>	<u>(5.000.000)</u>	
			1.339.435.889.180	(16.461.977.182)			928.801.648.557	(6.305.000.000)	

(*) Ngày 1 tháng 2 năm 2016, Công ty đã giải thể 3 đơn vị trực thuộc là chi nhánh Cảng Hoàng Diệu, chi nhánh Cảng Bạch Đằng và Trung tâm Y tế cảng Hải Phòng, và thành lập 3 công ty con là Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

(***) Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của công ty liên kết này, Công ty thực hiện trích lập dự phòng 100% đối với khoản đầu tư tại Công ty cổ phần Vinalines Đông Bắc.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
<i>Các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	4.538.601.457	894.165.476
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	939.931.365	469.496.086
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật và Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	13.412.639	-
<i>Các bên thứ ba</i>		
Maersk Line A/S	25.584.128.855	25.360.355.030
Các khách hàng khác	146.702.627.503	162.225.719.310
	177.778.701.819	188.949.735.902

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 15 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Phải thu về cổ phần hóa từ công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	123.842.324.111	123.842.324.111
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	7.905.435.694	4.796.444.445
Tạm ứng	217.273.000	674.727.748
Ký quỹ	2.000.000	2.000.000
Phải thu khác	3.569.308.752	4.554.736.163
	135.536.341.557	133.870.232.467

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2016			1/1/2016				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng	Trên 3 năm	3.211.759.458	(3.211.759.458)	-	Trên 3 năm	3.236.585.742	(3.236.585.742)	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vínashin	Trên 3 năm	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-	Trên 3 năm	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hải Châu	2 - 3 năm	965.762.010	(676.033.407)	289.728.603	1 - 2 năm	965.762.010	(482.881.005)	482.881.005
Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container	1 - 2 năm	3.006.328.497	(1.503.164.249)	1.503.164.248	1 - 2 năm	3.006.328.497	-	3.006.328.497
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	6 tháng - 1 năm	5.751.117.231	(1.725.335.169)	4.025.782.062	Trên 3 năm	5.751.117.231	(3.225.629.009)	5.751.117.231
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	2.740.906.695	(2.740.906.695)	-	Trên 3 năm	3.225.629.009	(3.225.629.009)	-
Các khách hàng khác	Dưới 3 năm	673.797.185	(408.603.523)	265.193.662	Dưới 3 năm	728.797.185	(206.762.325)	522.034.860
		22.978.537.894	(16.894.669.319)	6.083.868.575		23.543.086.492	(13.780.724.899)	9.762.361.593

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(16.894.669.319)

(13.780.724.899)

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Nguyên vật liệu	20.365.511.917	27.036.426.055
Công cụ và dụng cụ	1.071.442.546	2.503.253.632
Hàng hóa	-	87.031.979
	<hr/>	<hr/>
	21.436.954.463	29.626.711.666
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	2.301.982.470.703	94.117.434.192	2.931.106.820.177	76.657.214.544	5.403.863.939.616
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	21.688.324.793	82.700.000	21.683.090.453	2.474.514.000	45.928.629.246
Giảm do tách các đơn vị trực thuộc thành công ty con (Thuyết minh 5)	(658.947.184.902)	(14.463.416.810)	(638.800.794.403)	(10.017.832.905)	(1.322.229.229.020)
Số dư cuối kỳ	1.664.723.610.594	79.736.717.382	2.313.989.116.227	69.113.895.639	4.127.563.339.842
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.066.888.618.232	32.971.455.577	1.437.187.946.238	61.276.483.826	2.598.324.503.873
Khấu hao trong kỳ	34.075.548.499	1.577.961.000	86.639.769.360	1.323.533.000	123.616.811.859
Giảm do tách các đơn vị trực thuộc thành công ty con (Thuyết minh 5)	(470.969.488.172)	(6.633.386.778)	(423.179.283.295)	(6.061.253.548)	(906.843.411.793)
Số dư cuối kỳ	629.994.678.559	27.916.029.799	1.100.648.432.303	56.538.763.278	1.815.097.903.939
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.235.093.852.471	61.145.978.615	1.493.918.873.939	15.380.730.718	2.805.539.435.743
Số dư cuối kỳ	1.034.728.932.035	51.820.687.583	1.213.340.683.924	12.575.132.361	2.312.465.435.903

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 6.247 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 6.247 triệu VND).

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	27.973.244.400
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	27.157.463.400
Khấu hao trong kỳ	57.060.000
Số dư cuối kỳ	27.214.523.400
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	815.781.000
Số dư cuối kỳ	758.721.000

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 26.890 triệu VND đã được khấu hao hết (1/1/2016: 26.890 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	5.390.149.204	56.873.259.955
Tăng trong kỳ/năm	48.977.827.858	26.476.585.583
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(45.928.629.246)	(77.959.696.334)
Số dư cuối kỳ/năm	8.439.347.816	5.390.149.204

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Dự án tàu trọng tải lớn vào cảng	1.135.850.909	1.135.850.909
Đường RTG trên bãi tiền phương (đường 12 RTG + 6 RTG)	1.740.391.676	884.646.719
Dự án các công trình kho bãi chứa hàng hậu phương sau cầu số 5, 6	1.068.703.275	895.018.373
Bãi chứa hàng hậu phương số 3, 4	543.002.909	543.002.909
Hệ thống điện trên bãi tiền phương sau cầu số 3, 4, 5, 6 Tân Cảng	479.814.546	479.814.546
Công trình khác	3.471.584.501	1.451.815.748
	8.439.347.816	5.390.149.204

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ, dụng cụ	Lợi thế kinh doanh	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.375.494.468	25.649.568.000	31.025.062.468
Tăng trong kỳ	2.253.445.227	-	2.253.445.227
Phân bổ trong kỳ	(2.074.229.837)	(6.412.392.000)	(8.486.621.837)
Giảm do tách các đơn vị trực thuộc thành công ty con (Thuyết minh 5)	(2.209.106.687)	-	(2.209.106.687)
Số dư cuối kỳ	3.345.603.171	19.237.176.000	22.582.779.171



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và nhà cung cấp là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
<i>Các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ Phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	3.980.539.820	8.140.660.651
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	86.652.005	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	-	126.486.987
<i>Các bên thứ ba</i>		
Các nhà cung cấp khác	25.010.172.555	33.058.121.117
	29.077.364.380	41.325.268.755

Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không tính lãi và phải trả khi được yêu cầu.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước là khoản thuế thu nhập cá nhân nộp thừa.

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016	Số phải nộp	Số đã bù trừ/	30/6/2016
	VND	trong kỳ	nộp trong kỳ	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	5.595.744.319	20.349.937.683	(23.284.044.521)	2.661.637.481
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.457.077.106	26.247.603.470	(51.638.659.375)	3.066.021.201
Tiền thuê đất	-	11.223.614.000	(11.223.614.000)	-
Các loại thuế khác	8.521.200	154.400.000	(162.921.200)	-
	34.061.342.625	57.975.555.153	(86.309.239.096)	5.727.658.682

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi vay phải trả	70.837.773.246	51.952.211.042
Các khoản trích trước khác	42.070.092	-
	70.879.843.338	51.952.211.042

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Cổ tức phải trả công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	150.269.770.000	170.269.770.000
Bảo hiểm xã hội	4.188.529.083	-
Kinh phí công đoàn	733.499.546	928.747.320
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.237.743.889	8.881.210.732
	158.429.542.518	180.079.728.052

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016	Biến động trong kỳ		30/6/2016
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả	28.036.566.558	19.832.176.866	(14.359.446.602)	33.509.296.822

0100
 C
 ÁCH
 K
 TỬ L

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Vay dài hạn	794.485.752.812	734.622.177.540
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(33.509.296.822)	(28.036.566.558)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	760.976.455.990	706.585.610.982

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2016	1/1/2016
				VND	VND
Vay ODA giai đoạn II	JPY	1,5%	2029	452.375.507.084	392.511.931.812
Vay ODA cầu số 4, số 5	VND	9,7%	2040 (*)	342.110.245.728	342.110.245.728
				794.485.752.812	734.622.177.540

(*) Ngày 25 tháng 11 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải đã ban hành Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng – Giai đoạn 2. Theo đó, giá trị khoản vay cho cầu số 4, số 5 mà Công ty phải chịu là 342.110.245.728 VND từ ngày 1 tháng 7 năm 2014. Cảng Hải Phòng đã xây dựng Phương án trả khoản vay trên với lãi suất 9,5%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm theo yêu cầu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Theo đó, thời hạn của khoản vay là đến năm 2040. Công ty đã ghi nhận khoản vay này và thực hiện trích trước chi phí lãi vay phải trả từ ngày 1 tháng 7 năm 2014.

042-c
CÔNG TY
HÀNG HẢI VIỆT NAM
HỮU NGHỊ
MG
Hải Phòng - TP

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	115.625.761.478	164.468.862.263
Trích lập trong kỳ/năm	44.087.275.360	14.138.581.572
Sử dụng trong kỳ/năm	(132.836.721.000)	(62.981.682.357)
Số dư cuối kỳ/năm	26.876.315.838	115.625.761.478

22. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Sửa chữa định kỳ tài sản cố định VND
Số dư đầu kỳ	28.167.835.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(8.206.537.000)
Số dư cuối kỳ	19.961.298.000

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã điều chỉnh lại	3.269.600.000.000	107.729.136	170.250.421.184	3.439.958.150.320
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – theo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	3.269.600.000.000	107.729.136	160.116.643.272	3.429.824.372.408
<i>Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước (*)</i>	-	-	10.133.777.912	10.133.777.912
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	148.558.408.488	148.558.408.488
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	10.653.175.730	(10.653.175.730)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(14.138.581.572)	(14.138.581.572)
Cổ tức	-	-	(81.740.000.000)	(81.740.000.000)
Tặng khác	-	72.905.471	-	72.905.471
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 - đã điều chỉnh lại	3.269.600.000.000	10.833.810.337	212.277.072.370	3.492.710.882.707

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.269.600.000.000	10.899.547.066	321.395.036.641	3.601.894.583.707
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	206.460.093.350	206.460.093.350
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	49.886.306.447	(49.886.306.447)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(44.087.275.360)	(44.087.275.360)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(163.480.000.000)	(163.480.000.000)
Tăng khác	-	55.271.000	-	55.271.000
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	3.269.600.000.000	60.841.124.513	270.401.548.184	3.600.842.672.697

(*) Ngày 8 tháng 9 năm 2015, Kiểm toán Nhà nước đã công bố kết quả kiểm tra báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm 2014. Kết quả của Kiểm toán Nhà nước có một số thay đổi so với số liệu trên báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Các chênh lệch này đã được điều chỉnh lại trên số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	326.960.000	3.269.600.000.000	326.960.000	3.269.600.000.000
<hr/>				
Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	3.269.600.000.000	326.960.000	3.269.600.000.000
<hr/>				

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 261.568 triệu VND, trong đó 98.088 triệu VND đã được tạm ứng theo Nghị quyết số 45/NQ-CHP ngày 8 tháng 9 năm 2015 của Hội đồng quản trị Công ty.

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	6.862.864	152.841.960.068	18.890	424.201.354
EUR	28.249	698.190.676	28.220	689.724.533
		153.540.150.744		1.113.925.887

28. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	103.626.876.300	-
Lãi tiền gửi	16.118.210.126	8.442.151.729
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.817.590.268	3.391.986.628
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.201.997	705.199.608
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.213.774	77.468.078
	122.585.092.465	12.616.806.043

01001
 CÔNG
 TẬP Đ
 HẢI PHÒNG
 KI
 TỰ L
 2016

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí lãi vay	21.968.056.740	37.817.123.719
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.710.367.045	1.029.464.174
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	74.050.356.931	2.725.357.557
Dự phòng tổn thất đầu tư	10.156.977.182	-
Lỗ do thoái vốn khoản đầu tư vào công ty liên kết	889.170.396	-
	110.774.928.294	41.571.945.450

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	19.015.639.388	18.659.423.393
Phân bổ lợi thế kinh doanh	6.412.392.000	6.412.392.000
Chi phí khấu hao	1.534.639.500	1.789.229.000
Dự phòng phải thu khó đòi	3.594.000.329	-
Chi phí văn phòng phẩm	2.020.546.500	1.329.679.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.871.617.549	2.134.428.234
Chi phí khác	15.944.800.981	10.176.186.903
	50.393.636.247	40.501.339.275

32. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	32.200.436.519	51.765.207.647
Chi phí nhân công	165.143.628.625	260.455.946.700
Chi phí khấu hao	123.673.871.859	154.425.880.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.062.073.248	60.468.571.125
Chi phí khác	49.796.580.653	77.347.506.036

42-C
 TY
 HỮU H
 IG
 - T.P.V

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	232.707.696.820	190.698.661.059
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	46.541.539.364	41.953.705.434
Giá trị thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	397.739.690	186.547.137
Giá trị thuế của khoản thu nhập không bị tính thuế	(20.725.375.260)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33.699.676	-
	26.247.603.470	42.140.252.571

(b) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 (2015: 22%).



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty mẹ		
Chia cổ tức	151.320.688.500	77.395.350.000
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ		
Cung cấp dịch vụ	1.872.464.263	2.662.751.465
Công ty Cổ Phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng		
Cung cấp dịch vụ	7.852.949.612	4.161.003.866
Mua dịch vụ	15.116.449.164	20.147.708.102
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.582.589.956	1.965.005.516

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Sử dụng tài sản và nợ phải trả để thành lập công ty con:		
▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng	(1.110.571.791)	-
▪ Phải thu ngắn hạn khác	(17.653.800.046)	-
▪ Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	480.055.909	-
▪ Hàng tồn kho	(8.036.848.161)	-
▪ Chi phí trả trước ngắn hạn	(1.859.518.000)	-
▪ Tài sản cố định hữu hình	(415.385.817.227)	-
▪ Chi phí trả trước dài hạn	(2.209.106.687)	-
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	1.997.353.446	-
▪ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.560.343.385	-
▪ Phải trả người lao động	14.275.729.285	-
▪ Phải trả ngắn hạn khác	10.894.214.280	-

011204
 CÔNG T
 NHIỆM H
 PMG
 LIÊM - T

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Số liệu so sánh

Trong quá trình lập báo cáo tài chính cho kỳ hiện tại, Ban Tổng Giám đốc đã phát hiện một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 không được phân loại đúng trong báo cáo tài chính năm trước như sau:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn trên một năm với giá trị 15.504.823.644 VND được phân loại là phải thu dài hạn của khách hàng;
- Phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn trên một năm có giá trị 150.000.000 VND được phân loại là phải thu dài hạn khác;
- Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi có giá trị 13.780.724.899 VND được phân loại là dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi;
- Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết có giá trị 77.551.047.448 VND được phân loại là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác mặc dù Công ty nắm giữ trên 20% sở hữu và quyền biểu quyết của các bên nhận đầu tư; và
- Hàng tồn kho có giá trị 10.558.922.152 VND được phân loại là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định điều chỉnh lại các khoản mục này như được trình bày trong số liệu so sánh của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 đã được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng

	1/1/2016 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh lại VND	1/1/2016 (đã điều chỉnh lại) VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	173.444.912.258	15.504.823.644	188.949.735.902
Phải thu ngắn hạn khác	133.720.232.467	150.000.000	133.870.232.467
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(13.780.724.899)	(13.780.724.899)
Hàng tồn kho	19.067.789.514	10.558.922.152	29.626.711.666
Phải thu dài hạn của khách hàng	15.504.823.644	(15.504.823.644)	-
Phải thu dài hạn khác	150.000.000	(150.000.000)	-
Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	(13.780.724.899)	13.780.724.899	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	-	77.551.047.448	77.551.047.448
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	95.299.957.448	(77.551.047.448)	17.748.910.000
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10.558.922.152	(10.558.922.152)	-

Ngày 13 tháng 10 năm 2016

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc